

TRIẾT LÝ THẾ GIỚI QUAN, NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT QUA TÍN NGƯỠNG THỜ TỨ PHÁP

TS. Trần Thị Hằng *

Tóm tắt: Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp – một trong những tín ngưỡng nổi bật của cư dân nông nghiệp Việt Nam, đó là tín ngưỡng tôn thờ các hiện tượng tự nhiên liên quan trực tiếp đến đời sống sản xuất nông nghiệp, được nhân hóa dưới dạng nữ thần. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp vẫn trường tồn với thời gian, qua những tư liệu ngữ văn dân gian như truyền thuyết, truyện kể, thơ ca dân gian... cho đến hệ thống di tích thờ tự và các nghi thức, nghi lễ... tại hàng loạt các ngôi Chùa thờ Tứ Pháp của khu vực Bắc Bộ - minh chứng cho sự dung hợp mạnh mẽ giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Tứ Pháp. Triết lý thế giới quan và nhân sinh quan người Việt thể hiện rõ nét qua tín ngưỡng thờ Tứ pháp, là các tư tưởng về thế giới vạn vật hữu linh, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới và vị trí con người trong thế giới đó; là những quan điểm về sức mạnh cộng đồng, tinh thần đoàn kết và ước vọng chinh phục, chế ngự tự nhiên của con người.

Từ khóa: Phật giáo, dung hợp tôn giáo, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, thế giới quan, nhân sinh quan

Nhận bài 05/11/25; phản biện 16/11/25; biên tập 15/12/25; duyệt đăng 25/12/25.

1. Mở đầu

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng tôn thờ các vị thần tự nhiên: mây, mưa, sấm, chớp – những hiện tượng liên quan trực tiếp đến đời sống lao động sản xuất đặc trưng nông nghiệp lúa nước của người Việt. Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, sự dung hợp của Phật giáo và các tín ngưỡng bản địa của Việt Nam một mặt giúp Phật giáo đi sâu vào đời sống văn hóa dân gian tạo nên sức sống bền bỉ và đặc trưng riêng biệt của Phật giáo Việt Nam, mặt khác đã giúp “nâng tầm” các tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Tín ngưỡng thờ Tứ pháp thể hiện triết lý thế giới quan, nhân sinh quan sâu sắc của người Việt, đặc biệt là thế giới quan, nhân sinh quan của cư dân nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ với những đặc trưng rất riêng.

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung về tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt

Văn hóa Việt Nam đặc trưng là văn hóa lúa nước, đời sống tín ngưỡng của người Việt nổi bật với các tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp như tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Mẹ Lúa, Mẹ Nước, ... trong đó lâu đời, cổ xưa và nổi bật là tín ngưỡng thờ Tứ Pháp. Thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng độc đáo, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của người Việt nói chung, đặc biệt là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Thờ Tứ Pháp thực chất là thờ các vị Thần tự nhiên: Mây, Mưa, Sấm, Chớp của cư dân Việt cổ gắn với nghề trồng lúa nước. Trong nền văn hóa lúa nước, cây lúa trồng xuống phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tự nhiên, đặc biệt là nước, người Việt có câu “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” đã phản

ảnh tầm quan trọng của nước đối với nền nông nghiệp lúa nước. Mà nước thì liên quan trực tiếp đến các hiện tượng tự nhiên: mây, mưa, sấm, chớp. Do quan niệm vạn vật hữu linh, những hiện tượng tự nhiên này đối với con người là những thế lực siêu nhiên, cần được thờ cúng để mong mưa thuận gió hòa để đem lại mùa màng bội thu, từ đó những vị thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp ra đời và được tôn thờ. “Là cư dân nông nghiệp lúa nước, người Việt cúng trời đất, tôn thờ các hiện tượng thiên nhiên Mây (Vân), Mưa (Vũ), Sấm (Lôi), Chớp (Điện), nhân hóa các hiện tượng này, cho rằng nó có thể giúp đỡ hoặc làm hại đến bản thân mỗi người và xã hội. Nắm được quy luật xoay vần của vũ trụ và mối liên hệ nhân quả của các hiện tượng mây – mưa – sấm – chớp, người nông dân đã nhận ra rằng: cái kết quả cuối cùng được sinh ra từ các hiện tượng trước đó như trời kéo mây vần vũ, sấm nổi lên, chớp giằng xé bầu trời. Do đó mà, muốn có Nước – mưa, khi cầu cúng, người ta đã không quên viện đến các thần Mây, Sấm, Chớp” [4, tr.588].

Đó chính là sự hình thành của những “vị nhiên thần” trong giai đoạn lịch sử cổ xưa của con người, như nhận xét của Ph.Ăngghen về nguồn gốc của tôn giáo: “Trong những thời kỳ đầu của lịch sử, chính những lực lượng thiên nhiên là những cái trước tiên được phản ánh như thế, và trong quá trình phát triển hơn nữa thì ở những dân tộc khác nhau, những lực lượng thiên nhiên ấy đã được nhân cách hóa một cách hết sức nhiều vẻ và hết sức hỗn tạp” [1, tr.437].

Một điều có thể nhận thấy là các di tích thờ Tứ Pháp đều nằm ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ mà không xuất hiện nhiều ở các khu vực khác như Trung Bộ, Nam Bộ. Theo thống kê, toàn vùng đồng bằng Bắc Bộ hiện có khoảng 58 di tích thờ Tứ Pháp, phân bố chủ yếu ở các địa phương: Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên (Bao gồm Thái Bình và Hưng Yên cũ)... Ở Hưng Yên nơi tập trung nhiều nhất các di tích thờ Tứ Pháp như chùa: chùa Thái Lạc (thờ

Pháp Vân), chùa Hồng Cầu (thờ Pháp Vũ), chùa Nhạc Miếu (thờ Pháp Lôi), chùa Hồng Thái (thờ Pháp Điện),...

Một điều dễ nhận thấy là các di tích thờ Tứ Pháp ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là các ngôi chùa, hình thành nên một loại “Chùa Tứ Pháp” rất đặc biệt, là sản phẩm của quá trình dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa của người Việt cổ. Có thể thấy tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng tiêu biểu của cư dân nông nghiệp Việt. Ngay từ những bước đầu du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã dung hợp mạnh mẽ với tín ngưỡng này. Việc xuất hiện của Phật Pháp Vân trong lịch sử Phật giáo là minh chứng cho sự dung hợp đó: “Như vậy trong sơ kỳ Phật giáo tại Việt Nam, sự giác ngộ luôn luôn được gắn chặt với một số phẩm chất có tính quyền năng, như có thể lớn có thể nhỏ, có thể đi trong nước,... Và vị Phật có quyền năng này đã xuất hiện ngay vào thời Mâu Tử tại ngôi chùa Pháp Vân nổi tiếng, tương truyền là do Sĩ Nhiếp (137 – 226) dựng nên” [6, tr.142]. Sự dung hợp của Phật giáo với tín ngưỡng bản địa chính là sự “bản địa hóa” Phật giáo của nhân dân Việt Nam: “...nước ta vào thời đó là một nước độc lập, phồn thịnh, và chính nhờ vào nền độc lập đó, tự chủ đó, phồn thịnh đó, mà ta có khả năng tiếp thu và bản địa hóa những từ tượng văn hóa ngoại lai để biến chúng thành của mình, từ đó đủ bản lĩnh để tự hào, tiếp thu văn hóa ngoại lai và biến nó thành văn hóa của mình” [6, tr.156-157].

Hệ thống chùa thờ Tứ Pháp chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, phản ánh tâm thức, các lớp của bề dày đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, đến nay, những ngôi chùa thờ Tứ Pháp vẫn là một nét độc đáo bởi những dấu ấn văn hóa và giá trị riêng, từ những tư liệu ngữ văn dân gian như truyền thuyết, truyện kể, thơ ca dân gian... cho đến hệ thống di tích thờ tự và các nghi thức, nghi lễ. Những giá trị văn trường tồn nhưng hiện nay hệ thống chùa thờ Tứ

Pháp đang đứng trước những vấn đề đặt ra là sự xuống cấp di tích và các giá trị vật thể của di tích, sự biến đổi trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo do sự tác động của đời sống xã hội, những thách thức trong công tác bảo tồn đi liền với khai thác du lịch tại di sản,...

Nghiên cứu và làm sáng tỏ những giá trị của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp sẽ góp phần bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của người Việt trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Triết lý thế giới quan, nhân sinh quan của người Việt thể hiện qua không gian thờ tự và nghi lễ tín ngưỡng thờ Tứ Pháp

2.2.1. Triết lý thế giới quan

Khái niệm Thế giới quan: “Thế giới quan là toàn bộ những nguyên tắc, quan điểm và niềm tin quy định hướng hoạt động và quan hệ của từng người, của một tập đoàn xã hội, của một giai cấp hay của một xã hội nói chung đối với thực tại” [9]. Như vậy thế giới quan là cách nhìn nhận “thực tại” của một chủ thể cụ thể (cá nhân, tập đoàn xã hội, giai cấp,...), thế giới quan có vai trò “định hướng” hoạt động của con người. Hay có thể hiểu: Thế giới quan là hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí con người trong thế giới đó. Thế giới quan thường được phân loại thành: thế giới quan huyền thoại, thế giới quan tôn giáo, thế giới quan triết học. Thế giới quan của người Việt được hình thành từ sự tổng hợp và được tiếp cận dưới nhiều góc độ: tư duy thần thoại, tư duy chất phác trong dân gian và tư duy khoa học. Trong bài viết này chủ yếu khai thác thế giới quan tôn giáo của người Việt thể hiện trong tín ngưỡng dân gian của người Việt thể hiện qua một loại hình cụ thể là tín ngưỡng thờ Tứ Pháp.

Thế giới quan của người Việt thể hiện qua hệ thống tín ngưỡng dân gian phản ánh một cách nhìn đa thần, đa chiều, là kết quả của đời sống sản xuất, văn hóa nông nghiệp. “Về sự hình thành của vũ trụ, người Việt cổ chưa giải thích được dựa trên nhận thức lý tính. Họ chủ yếu gán cho chúng một sức mạnh siêu nhiên,

có nguồn gốc từ các vị thần” [5, tr.42]. Trong nền tảng chung đó, công cuộc đấu tranh với thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên, người Việt đã sớm nhận thức và giải thích thế giới tự nhiên, đặc biệt là các hiện tượng liên quan trực tiếp đến đời sống sản xuất nông nghiệp, đặc trưng trồng lúa nước của mình. Qua tín ngưỡng thờ Tứ Pháp có thể thấy một số quan niệm của người Việt:

Thế giới tự nhiên được cai quản bởi các vị thần

Thế giới tự nhiên rất phong phú và đa dạng các hiện tượng. Người Việt chia nhỏ các hiện tượng trong tự nhiên thành các miền: miền trời, miền đất, miền nước,... mỗi miền được cai quản bằng một vị thần khác nhau. Hệ thống thần linh trong tín ngưỡng dân gian của người Việt là một hệ thống phức hợp, đa thần. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu, có các vị Thánh Mẫu cai quản các miền: Mẫu Thượng Thiên cai quản miền trời; Mẫu Thượng Ngàn cai quản miền núi rừng; Mẫu Địa cai quản miền đất; Mẫu Thoải cai quản miền sông nước;...

Trong tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, có sự xuất hiện của bốn vị thần mang tính nữ, là các Bà, các Mẹ, cai quản các hiện tượng tự nhiên có liên quan trực tiếp đến hiện tượng mưa, có ý nghĩa đem lại nguồn nước cho sự sống, sinh hoạt, sản xuất vật chất của con người đó là mây, mưa, sấm, chớp: “Yếu tố nước từ đó là yếu tố số một, của bất cứ nền nông nghiệp nào. Vì thế vị thần trong thần điện của người Việt Nam tất nhiên là thần mây (vân) và thần mưa (vũ), vì có mây mới có mưa, tiếp đến mới có sấm (lôi) và có chớp (điện). Tại sao không thờ thần nước ở sông ở giếng, vì biết rằng nước ở sông ở giếng có thể khô, còn một khi có mưa thì nhất định là có nước. Mà muốn có mưa thì phải nhờ nơi có mây, đi chung với mưa hay trước khi mưa thì phải có sấm có chớp. Do đó mà thần điện Việt Nam được tôn thờ qua hình ảnh thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp từ lâu, như là đòi hỏi của cư dân nông nghiệp” [7, tr.160].

Khi Phật giáo du nhập, với phương châm “tùy duyên phương tiện”, Phật giáo đã dung

hợp với các tín ngưỡng bản địa Việt Nam, điển hình, sâu sắc là với tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, hình thành nên các vị Phật Tứ pháp:

Pháp Vân: Thần tạo ra mây

Pháp Vũ: Thần tạo ra mưa

Pháp Lôi: Thần tạo ra sấm

Pháp Điện: Thần tạo ra chớp.

Đó chính là quá trình hội nhập mang tính hai chiều: Với Phật giáo là quá trình bản địa hóa giáo lý Phật giáo, đưa Phật giáo có bộ mặt của người dân bản địa, hình thành nên những vị Phật gần gũi với người dân Việt Nam, với tín ngưỡng Việt Nam là quá trình tạo cho những vị thần bản địa có bộ mặt của Phật giáo và Phật giáo hóa các tư tưởng của mình. Cả hai bổ sung cho nhau, hòa quyện vào nhau để cùng phát triển.

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp thể hiện rất rõ nét “tính nữ”, “nguyên lý mẹ” trong văn hóa Việt Nam. Các vị thần, Phật đều mang tính nữ, là các Bà, các Mẹ với thiên chức sinh sản, nuôi dưỡng, chở che cho con người ngày càng phát triển phồn thịnh.

Các hiện tượng trong thế giới tự nhiên luôn liên hệ biện chứng lẫn nhau:

Trong tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, ta dễ dàng nhận ra mối quan hệ khăng khít, biện chứng giữa các hiện tượng tự nhiên. Các hiện tượng mây, mưa, sấm, chớp không tồn tại đơn lẻ mà trong mối quan hệ với nhau. Trong đó Pháp Vân được coi là hạt nhân, là trung tâm, là chỉ cả của bốn Pháp. Người Việt cũng nhận thức được những nét đặc trưng của mỗi hiện tượng để thần thánh hóa thành đặc trưng riêng của các vị thần, và trong sinh hoạt tín ngưỡng phản ánh, làm nổi bật các nét đặc trưng đó. Về điều này các tác giả phân tích: “Bốn hiện tượng thiên nhiên trên có liên quan với nhau khi trở thành các linh tượng được tôn thờ của tín ngưỡng thì phải thờ ở bốn nơi. Tín ngưỡng Tứ pháp chỉ là sự mô phỏng – diễn lại quá trình sinh ra Mưa của Trời Đất. Rước các bà Mây, Sấm, Mưa từ nơi này đến nơi khác tượng trưng cho việc Mây trôi, Mưa rơi, Sấm nổ. Người nông dân trong

thực tế đã thấy cảnh chớp (Điện) sinh ra Sét đánh chết người, gia súc, cháy nhà cửa, cây cối. Từ đó, trong tâm linh, họ tin tưởng rằng nếu rước Ngài đi đâu, vía Ngài sẽ đến đó, Ngài nhìn vào đâu, nơi đó sẽ cháy. Do vậy, trong lễ hội Tứ pháp, người ta không rước tượng Pháp Điện ra khỏi chùa” [4, tr.588-589].

Con người là sản phẩm của tự nhiên, sống trong quan hệ chặt chẽ với tự nhiên, hoạt động lao động sản xuất của con người gắn với tự nhiên, chịu tác động của thế giới tự nhiên:

Người Việt Nam trong quá trình sống gần bó, đấu tranh, chinh phục tự nhiên cũng đã nhận thức được một cách sâu sắc vị trí mình trong thế giới. Người Việt xem mình là một phần của tự nhiên, thể hiện qua thái độ tôn trọng, gần bó và hòa hợp với môi trường xung quanh, được đúc kết trong văn hóa dân gian qua các câu tục ngữ và triết lý sống. Điều này thể hiện qua các khía cạnh như coi trọng các yếu tố tự nhiên trong đời sống và cách ứng xử, tin vào mối liên kết sâu sắc giữa con người và thiên nhiên, cũng như việc nhận thức rằng con người là một phần của hệ sinh thái. Con người lao động để chinh phục tự nhiên, nhưng với người Việt hoạt động lao động sản xuất của con người gắn với tự nhiên, chịu tác động của thế giới tự nhiên. Ca dao Việt Nam thể hiện sự phụ thuộc của con người vào tự nhiên trong lao động qua những câu nói về kinh nghiệm dự đoán thời tiết và đất đai, như: "Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm". Đặc biệt trong lao động sản xuất lúa nước, trong những điều kiện lao động còn thô sơ, yếu tố tự nhiên tác động rất lớn. Điều đó thể hiện qua bài ca dao:

“Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm, biển lặng mới yên tấm lòng”

Ca dao

Có thể nói, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp mang đậm dấu ấn đặc trưng đời sống tín ngưỡng,

tôn giáo của cư dân nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ. Điều đặc biệt đáng lưu ý là hệ thống các di tích thờ Tứ Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ, Tứ Pháp được thờ chủ yếu ở trong chùa. Trong các ngôi chùa có kiến trúc của một ngôi chùa thờ Phật truyền thống với những kiến trúc chữ “tam”, “công”, “nội công ngoại quốc” thì điểm khác biệt của các ngôi chùa thờ Tứ Pháp là trong đó chiếm vị trí trung tâm của tượng thờ là tượng Tứ Pháp. Tuy nhiên cần lưu ý: “Không phải người ta đặt tượng Tứ Pháp vào các chùa thờ Phật mà người ta đặt bàn thờ Phật vào các đền Tứ Pháp, từ đền thờ các thần nông nghiệp đã có từ trước. Và đến lượt các nữ thần này được Phật hóa, trở thành Phật Bà” [10]. Hệ thống các chùa thờ Tứ Pháp hiện nay chủ yếu là các ngôi chùa cổ, vẫn lưu giữ được nhiều di vật, đồ thờ tự quý giá như những bức tượng Tứ Pháp, tượng Phật cổ, vừa mang vẻ đẹp kiến trúc vừa chứa đựng trong đó những giá trị tâm linh sâu sắc. Tại sao lại là khu vực đồng bằng Bắc Bộ mà không phải là các khu vực khác. Trong tác phẩm *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*, nhà sử học Trần Quốc Vượng phân tích một trong những đặc điểm về điều kiện tự nhiên làm nên đặc trưng của tâm thức văn hóa cư dân châu thổ Bắc Bộ: “Khí hậu châu thổ Nóng - Ấm - Gió Mùa có một mùa mưa và một mùa tương đối khô - ẩm, có một mùa hè nắng chói chang và một mùa lạnh thực sự. Khắc nghiệt, thất thường:

Rét tháng Ba bà già chết rét

Nóng tháng Ba chó già lè lưỡi

Mùa hè – mưa cũng là mùa Lụt – Bão:

Mống cụt chẳng lụt cũng bão” [11, tr.495].

Chính vì con người sống trong quan hệ chặt chẽ với tự nhiên, nên cách thức ứng xử với tự nhiên là thành tố quan trọng. Sản xuất lúa nước, yếu tố nước luôn quan trọng hàng đầu, như câu tục ngữ “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Nước do đâu mà có? Theo quan sát của người xưa, nước do mưa từ trên trời rơi xuống, để có được mưa là sự xuất hiện của hàng loạt các hiện tượng tự nhiên: mây

đen vần vũ, sấm vang, chớp rền. Để cây trồng được mùa bội thu thì nước cũng phải thuận hòa, phù hợp với cây trồng, nhiều quá thì úng, ít quá thì hạn. Chính vì mong muốn thời tiết mưa gió thuận hòa, để mùa màng bội thu, người Việt tôn thờ các vị thần tự nhiên liên quan trực tiếp đến việc đem lại nước cho cây trồng: Mây, mưa, sấm, chớp. Viết về điều này: “Là cư dân nông nghiệp lúa nước, người Việt cúng trời đất, tôn thờ các hiện tượng thiên nhiên Mây (Vân), Mưa (Vũ), Sấm (Lôi), Chớp (Điện), nhân hóa các hiện tượng này, cho rằng nó có thể giúp đỡ hoặc làm hại đến bản thân mỗi người và xã hội. Nắm được quy luật xoay vần của vũ trụ và mối liên hệ nhân quả của các hiện tượng mây – mưa – sấm – chớp, người nông dân đã nhận ra rằng: cái kết quả cuối cùng được sinh ra từ các hiện tượng trước đó như trời kéo mây vần vũ sấm nổi lên, chớp giáng xé bầu trời. Do đó mà, muốn có Nước – mưa, khi cầu cúng, người ta đã không quên viện đến các thần Mây, Sấm, Chớp” [4, tr. 588].

Thờ các vị thần tự nhiên nói chung, cụ thể là Mây, Mưa, Sấm, Chớp thể hiện sự tôn sùng tự nhiên, bày tỏ lòng biết ơn và cầu mong các vị che chở, ban phúc lành, thời tiết thuận hòa, mùa màng bội thu, người và vật an khang, thịnh vượng.

Như vậy, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp đã phản ánh phản ánh nhận thức của con người về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó. Đó chính là biểu hiện thế giới quan.

2.2.2. Triết lý nhân sinh quan

Con người là một đầu mối trong các quan hệ xã hội, trong cuộc chiến cải tạo tự nhiên cần sức mạnh cộng đồng, tinh thần đoàn kết:

Hình thành từ các yếu tố tự nhiên, lịch sử và văn hóa, người Việt Nam luôn đặt sự tồn tại của mỗi cá nhân trong cộng đồng, tập thể. Tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết để bán trụ trước thiên nhiên, đoàn kết để chống lại ngoại xâm, thiên tai. Triết lý về tính cộng đồng của người Việt được thể hiện rõ nét qua sự thờ cúng và thực hành tín ngưỡng thờ Tứ Pháp. Ở một địa phương, các ngôi chùa thờ

Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện sẽ là các ngôi chùa khác nhau, nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, lễ hội là sự phối hợp nhịp nhàng giữa các chùa. “Ngoài mục đích bày tỏ nhận thức sơ khai về các hiện tượng thiên nhiên, tín ngưỡng Tứ Pháp còn phản ánh cuộc đấu tranh của con người với thiên nhiên, mặc dù chỉ là sự cần khẩn. Cuộc đấu tranh ấy phải có sự đoàn kết giữa các làng mới mong thu được kết quả. Các làng cùng thờ Tứ Pháp phải bàn bạc, phối hợp đồng tâm nhất trí cao mới tổ chức đám rước cầu mưa, cầu tạnh linh nghiệm. Trong mối quan hệ làng xã cổ truyền khép kín “Thần làng nào làng ấy thờ”, phần nào hạn chế công cuộc chống thiên tai địch họa – công việc lớn của cả một cộng đồng. Vì vậy, Tứ Pháp là một hiện tượng tích cực, nó nhằm giao hiếu, kết chạ giữa các làng xã cổ truyền chống lại thiên tai, địch họa – của người dân đồng bằng Bắc Bộ xưa” [4, tr.588-589].

Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo tại các ngôi chùa thờ Tứ Pháp này cũng chứa đựng những giá trị văn hóa phi vật thể độc đáo. Đó là những sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng liên vùng, liên làng, liên cộng đồng. Bởi như đã phân tích ở trên thờ Tứ Pháp trong các chùa nhưng ít có ngôi chùa thờ cả 4 vị mà mỗi chùa thờ một vị trong hệ thống Tứ Pháp, nên các vùng thờ Tứ Pháp đều lập thành quần thể những ngôi chùa liên quan mật thiết đến nhau nên sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo diễn hình như lễ hội là sự cộng hưởng của cả cộng đồng với sự tham gia của nhiều chùa và đông đảo nhân dân trong vùng đến từ nhiều làng. Điển hình có thể kể đến như: Chùa Dầu (Bắc Ninh). Chùa Dầu được chính phủ xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt (Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013). Trong chùa có pho tượng Pháp Vân được công nhận là Bảo vật Quốc gia nằm trong hệ thống tượng Tứ Pháp ở vùng Dầu – Luy Lâu xưa (năm 2017), mộc bản chùa Dầu được công nhận là Bảo vật Quốc gia (năm 2025); lễ hội chùa Dầu được tổ chức với quy mô rộng lớn cả vùng Dầu xưa, lễ

hội được tổ chức trong 4 ngôi chùa lớn thờ Tứ Pháp gồm: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện và chùa Tổ thờ bà Man Nương (mẹ của Tứ Pháp), lấy chùa Dầu làm trung tâm hội, lễ hội có nhiều nghi lễ độc đáo như rước đầy đủ tượng Tứ pháp từ các chùa trong vùng về chùa Dầu, lễ thi cướp nước...

Ta cũng sẽ thấy tính cộng đồng thể hiện rõ trong lễ hội Tứ Pháp (lễ hội cầu mưa) diễn hình khu vực đồng bằng Bắc Bộ ở xã Lạc Hồng (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên cũ), nay thuộc xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên. Theo tài liệu ghi chép, trước đây, lễ hội được diễn ra trong phạm vi rộng lớn cả tổng Thái Lạc, được tổ chức khi trời hạn hán lâu. Lễ hội bị gián đoạn một thời gian dài (Từ năm 1943 đến năm 2004), đến năm 2005, lễ hội được khôi phục lại nhưng ở quy mô nhỏ hơn, chỉ ở xã Lạc Hồng, trung tâm là chùa Thái Lạc.

Ngày nay, lễ hội cầu mưa hằng năm của nhân dân Lạc Hồng (cũ) là lễ hội lớn của cả vùng, được diễn ra từ ngày mồng 6 đến ngày mồng 8 tháng 3 âm lịch hàng năm, ở cả 4 chùa, trong đó chùa Thái Lạc là trung tâm. Trước đó, ngày 5 tháng 3 âm lịch, nhân dân tiến hành mở cửa 4 ngôi chùa và tổ chức lễ Hạ tượng và lau rửa các đồ thờ tế, trang hoàng long lẫy, sửa soạn, lắp ghép các kiệu rước,... để chuẩn bị cho lễ hội. Tối ngày mùng 5, các lão bà cùng sư trụ trì các chùa thờ Tứ Pháp tụng kinh, kể hạnh, cầu cho mưa thuận, gió hòa. Riêng thôn Hồng Thái phải dựng sẵn ba gian nhà lá trước cửa chùa Pháp Điện để rước 3 Bà đến ngụ một đêm.

Khai hội được tổ chức vào ngày 6 tháng 3 âm lịch, trong ngày này diễn ra nghi lễ rước bà Pháp Lôi, Pháp Vũ xuống chùa Thái Lạc thờ bà Pháp Vân. Ngày 7 tháng 3 tổ chức lễ Rước nước sau đó rước ba bà Pháp Lôi, Pháp Vũ, Pháp Vân về ngụ tại chùa Hồng Thái thờ bà Pháp Điện. Trước khi rước ba Bà (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi) xuống chùa Pháp Điện, dân làng làm lễ rước rồng lấy nước tại giếng cổ ở thôn Bình Minh.

Sáng mùng 8, các nhà sư làm lễ, kiệu ba Bà

Pháp Vân, Pháp Vũ và Pháp Lôi được rước vào cửa chùa Pháp Điện, bốn Bà làm lễ chào nhau trong tiếng xướng của cờ reo và tiếng hô của giai kiệu. Nhân dân sẽ rước các bà hoàn cung về ngự tại chùa của mình và tiến hành lễ Yên vị.

Để thực hiện được lễ hội đó là sự thống nhất cao độ của nhân dân cả một vùng, phải thực sự thống nhất, đoàn kết, tổ chức tốt mới có thể đưa đến sự thành công của lễ hội. Đó cũng chính là sự biểu hiện của mối quan hệ cộng đồng, của tinh thần đoàn kết người Việt từ ngàn xưa. Thông qua các nghi lễ, nghi thức và các trò diễn xướng trong lễ hội, con người muốn tái hiện lại lịch sử, xã hội, cội nguồn của tự nhiên và con người. Lễ hội Cầu mưa là nơi cổ kết cộng đồng, là sợi dây gắn kết các cá nhân, gia đình, dòng họ, làng xóm; biểu dương những giá trị văn hóa và sức mạnh của cộng đồng, tạo nên tính cổ kết bền chặt của cư dân địa phương

Với những giá trị đó, ngày 12/01/2022, Bộ trưởng Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 68/QĐ-BVHTTDL về việc công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Theo đó, Lễ hội cầu Mưa, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên) đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Khát khao mong muốn chinh phục tự nhiên, chế ngự tự nhiên của con người:

Người Việt sùng kính các hiện tượng tự nhiên, tôn thờ các hiện tượng tự nhiên nhưng luôn khát khao, mong muốn chinh phục tự nhiên, chế ngự tự nhiên phục vụ cho cuộc sống lao động, sản xuất của mình. Trong những câu chuyện về Phật Tứ pháp có sự xuất hiện của Phật Mẫu Man Nương là người sinh ra bốn vị nữ thần tứ pháp, là người có thể điều khiển được các hiện tượng tự nhiên. Bài viết trích dẫn văn bản truyền thuyết Man Nương có đoạn như sau: Đêm ấy, Thái thú Sĩ Nhiếp nằm trong chính tẩm, thấy thần nhân báo mộng phải tìm thợ giỏi, lấy gỗ cây dung thụ

tạo thành tượng “Tứ Pháp” để thờ. Sáng hôm sau, quan Thái thú cho tìm thợ giỏi xẻ cây dung thụ để tạc tượng. Khi xẻ đến đoạn gốc, lưỡi của cưa phải một vật cứng. Lưỡi cưa bị gãy. Cánh thợ mộc bèn dùng rìu bổ ra thì thấy một viên đá hình trụ tròn. Bọn họ hò nhau ném viên đá xuống sông. Ném xong, cả bọn lẫn ra chết. Thấy sự lạ, dân làng liền sai trai đình lặn xuống sông tìm vớt viên đá ấy lên. Người ta đã mò tìm được viên đá đó nhưng không làm thế nào đưa lên được vào bờ. Nhớ lại việc vớt cây dung thụ ngày trước, người ta liền nhờ bà Man Nương tìm cách đưa viên đá vào bờ. Bà Man Nương ra bờ sông gọi: “Có phải con mẹ ở dưới đó thì lên đây với mẹ”. Kỳ lạ thay, viên đá nổi lên mặt nước và nhảy vào lòng bà Man Nương như đứa trẻ nằm trong lòng mẹ và liên tục phát ra ánh hào quang.

Khi pho tượng thứ nhất đã tạc xong, thì trên trời hiện ra đám mây ngũ sắc, Sĩ Nhiếp liền đặt tên cho các pho tượng này là Pháp Vân; khi tạc xong pho thứ hai, thì trời đổ mưa tầm tã, Sĩ Nhiếp đặt tên cho pho tượng là Pháp Vũ; làm xong pho tượng thứ ba thì trên trời nổi lên những tiếng sấm vang rền liên tục hàng mấy khắc, quan cai trị cho đặt tên pho tượng là Pháp Lôi; đến khi làm xong pho tượng thứ tư, trên trời có những lần chớp xanh lè liên tục, Sĩ Nhiếp cho đặt tên tượng là Pháp Điện. Ngày mùng 8 tháng 4 năm đó làm lễ khánh thành tượng và bố trí tượng Pháp Vân thờ tại chùa Diên Ứng (chùa Dâu), tượng Pháp Vũ được thờ ở chùa Thành Đạo (chùa Đậu), tượng Pháp Lôi thờ tại chùa Phi Tướng (chùa Tướng), tượng Pháp Điện thờ tại chùa Phương Quan (chùa Dàn). Viên đá hình trụ tròn luôn phát hào quang được đặt tên là Thạch Quang và được thờ tại chùa Dâu. Cũng ngày hôm đó, bà Man Nương không bệnh tật gì đã hóa, người ta tạc tượng Bà thờ ở chùa Mãn Xá (Bắc Ninh) [Theo 2, tr.13-14]. Phật Mẫu Man Nương trở thành mẹ của Phật Tứ pháp, trong các lễ hội vùng Dâu đều tái hiện lại nghi thức rước Phật Tứ Pháp về chùa Mãn Xá, là chùa Tổ, chùa Mẹ.

Truyền thuyết về Phật Mẫu Man Nương với hình ảnh một con người hóa Phật, với tấm lòng yêu thương, bao dung, cứu vớt dân làng trước các hiện tượng thiên nhiên hà khắc,

3. Kết luận

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là sản phẩm văn hóa của nền sản xuất nông nghiệp lúa nước với nhiều nét đặc thù. Khi Phật giáo vào Việt Nam dung hợp mạnh mẽ với loại hình tín ngưỡng này tạo thành một nét độc đáo của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam. Sự hiện diện của các ngôi chùa thờ Tứ Pháp hiện

mang ý nghĩa cầu mong mưa thuận gió hòa, thể hiện khát khao chinh phục tự nhiên, chế ngự tự nhiên của con người.

nay chính là minh chứng cho đời sống văn hóa tinh thần đa dạng, giàu bản sắc của người Việt. Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp cho thấy những triết lý thế giới quan, nhân sinh quan sâu sắc của người Việt trong quá trình nhận thức thế giới và vị trí con người trong thế giới để cải tạo và chinh phục thế giới./.



■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1994): *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Khải (2013): *Chùa Dâu – Cổ Châu, Pháp Vân, Diên Ứng Tự*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Nguyễn Lang (2014): *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Công ty sách Thời Đại và Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Bùi Xuân Mỹ - Bùi Thiết – Phạm Minh Thảo (1996): *Từ điển Lễ tục Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Đinh Thị Phượng (2019): “Thế giới quan huyền thoại của người Việt cổ”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng* (Vol.17, no.2).
6. Lê Mạnh Thát (2003): *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập I, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Lê Mạnh Thát (2024, tái bản có bổ sung), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập I, Nxb. Đồng Nai.
8. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục
9. *Từ điển Triết học*, Nxb. Tiến bộ Matxcova, 1986
10. Hà Văn Tấn (1993), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội
11. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.